



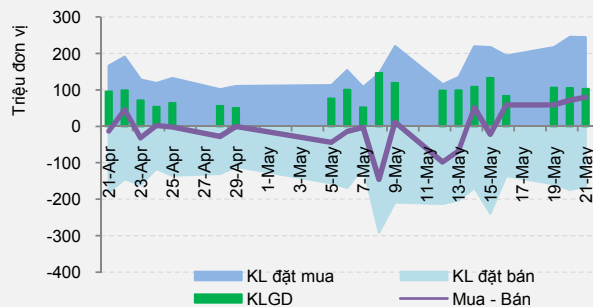
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 21/5/2014

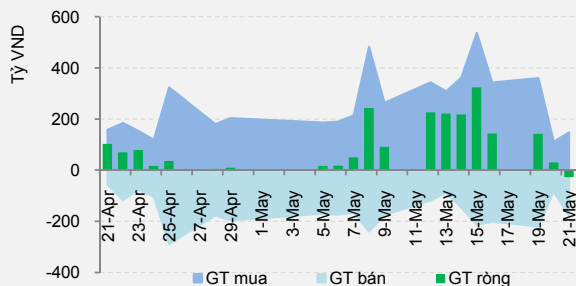
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	543.9	75.6
% Thay đổi	↑ 1.2%	↑ 2.5%
KLGD (CP)	102,987,620	79,514,766
GTGD (tỷ đồng)	1,481.07	679.22
Tổng cung (CP)	164,239,980	99,369,200
Tổng cầu (CP)	244,158,370	127,890,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	5,612,630	320,683
KL mua (CP)	5,676,420	1,613,300
GTmua (tỷ đồng)	148.49	25.75
GT bán (tỷ đồng)	175.88	3.66
GT ròng (tỷ đồng)	(27.39)	22.09

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 3.88%	8.4	1.8	3.8%
Công nghiệp	↑ 3.00%	30.4	1.1	19.0%
Dầu khí	↑ 1.84%	6.9	1.8	3.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.68%	18.1	1.9	1.8%
Dược phẩm và Y tế	↑ 2.56%	11.6	2.9	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.61%	13.3	4.2	7.7%
Ngân hàng	↑ 1.08%	8.7	1.2	8.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.92%	12.1	2.2	10.7%
Tài chính	↑ 1.79%	11.3	2.2	38.3%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 1.72%	24.5	4.3	6.0%
VN - Index	↑ 1.18%	13.2	2.8	68.6%
HNX - Index	↑ 2.50%	18.1	1.6	31.4%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	366,400	0.4%	857,580	0.8%
GTGD (tỷ VND)	7,933	0.6%	15,391	1.2%

TIẾP PHIÊN TĂNG ĐIỂM - TÂM ĐIỂM CỔ PHIẾU CHỨNG KHOÁN, BĐS ĐÃ GIẢM SÂU

Nhận định: Thị trường tiếp tục ghi nhận phiên tăng điểm với thanh khoản duy trì ở mức khá. Diễn biến thị trường tương tự những phiên giao dịch trước đó, giảm nhẹ đầu phiên và tăng điểm mạnh dần về cuối phiên. Hai chỉ số Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên, độ rộng thị trường tích cực. Dòng tiền tiếp tục tập trung vào nhóm cổ phiếu BĐS, chứng khoán đã giảm điểm sâu trong giai đoạn điều chỉnh trước đó. Nhóm cổ phiếu Bluechips tăng chậm hơn thị trường chung, khi lực mua từ khối ngoại có xu hướng giảm bớt sau 19 phiên mua ròng liên tiếp tại sàn HOSE.

Chỉ số VN-Index vẫn đang trong xu hướng phục hồi kỹ thuật, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ mạnh khoảng +/-500 điểm. Chỉ số HNX-Index cũng đang bật lên từ ngưỡng hỗ trợ mạnh của đường MA200. Diễn biến phục hồi với thanh khoản tăng khá cho tín hiệu tích cực về dòng tiền tham gia thị trường. **Xu hướng tăng điểm kỹ thuật dự kiến tiếp tục diễn ra với ngưỡng cản quan trọng của VN-Index là khoảng +/-550 điểm, HNX-Index là khoảng +/-75 điểm, tương đương đường MA20 và trendline ngắn hạn.**

Với thực tế vấn đề Biển Đông chưa được giải quyết, dự kiến tâm lý đầu tư ngắn hạn vẫn phổ biến, đặc biệt khi phần lớn nhà đầu tư bắt đầu đều có lãi tốt trong vài phiên vừa qua. Nhà đầu tư ngắn hạn xem xét chốt lời khi thị trường tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật.

- Chỉ số VN-Index tăng 6.36 điểm (1.18%), lên 543.88 điểm, tăng điểm thứ tư liên tiếp.

- Chỉ số HNX-Index tăng 1.84 điểm (2.49%), lên 75.57 điểm, phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp.

- Ngày 20/5, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ ngành chức năng, các địa phương ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp khắc phục thiệt hại, khôi phục sản xuất kinh doanh sau các vụ biểu tình, đập phá của công nhân liên quan đến việc Trung Quốc đặt giàn khoan trái phép trong vùng biển của Việt Nam. Các giải pháp chính bao gồm: 1/ xác định thiệt hại của doanh nghiệp; 2/ xác định phạm vi bảo hiểm bồi thường, ứng trước tiền bồi thường đối với những trường hợp đã xác định rõ thuộc phạm vi, đối tượng được bảo hiểm; 3/ gia hạn thuế, miễn, giảm thuế xuất nhập khẩu, thuế GTGT đầu vào, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất tương đương với phần thiệt hại sau khi bồi thường, bao gồm cả trường hợp không có chứng từ hóa đơn. Ngoài ra Chính phủ cũng yêu cầu NHNN tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn kinh doanh, nhằm nhanh chóng ổn định sản xuất trở lại.

- Hội nghị Bộ trưởng 12 nước tham gia đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương kết thúc ngày 20/5 đã đạt được tiến bộ trong giải quyết một số vấn đề liên quan tới thuế quan và tiếp cận thị trường. Hội nghị tái khẳng định sự cần thiết phải sớm kết thúc các phiên đàm phán và quyết định trong một vài tuần tới phải tập trung giải quyết những vấn đề song phương liên quan tiếp cận thị trường và nguyên tắc. Hội nghị cũng thống nhất các trường đoàn đàm phán sẽ nhóm họp vào tháng Bảy và các bộ trưởng sẽ tiếp tục thảo luận song phương để cùng phối hợp và giải quyết những vấn đề thách thức nhất.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Giảm

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 6.36 điểm (1.18%), lên 543.88 điểm, tăng điểm thứ tư liên tiếp.

- KLGD giảm nhẹ 2% so với phiên giao dịch trước, xuống 99 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên gần mức 45 điểm, tâm lý nhà đầu tư tích cực hơn. MACD 9 ngày đã cắt lên trên đường tín hiệu, cho chỉ báo về xu hướng tăng ngắn hạn.

Nhận định: Chỉ số VN-Index ghi nhận phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp với thanh khoản duy trì ở mức khá. Diễn biến thị trường tương tự những phiên giao dịch trước đó, giảm cơ nửa đầu phiên và tăng điểm mạnh dần về cuối phiên. Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên, độ rộng thị trường tích cực. Dòng tiền tiếp tục tập trung vào nhóm cổ phiếu BĐS, chứng khoán đã giảm điểm sâu trong giai đoạn điều chỉnh trước đó. Nhóm cổ phiếu Bluechips tăng chậm hơn thị trường chung, khi lực mua từ khối ngoại có xu hướng giảm bớt sau 19 phiên mua ròng liên tiếp.

Chỉ số VN-Index vẫn đang trong xu hướng phục hồi kỹ thuật, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ mạnh khoảng +/-500 điểm. Diễn biến phục hồi với thanh khoản tăng khá cho tín hiệu tích cực về dòng tiền tham gia thị trường. Xu hướng tăng điểm kỹ thuật dự kiến tiếp tục diễn ra với ngưỡng cản quan trọng khoảng +/-550 điểm, tương đương đường MA20 và trendline ngắn hạn.

Với thực tế vấn đề Biển Đông chưa được giải quyết, dự kiến tâm lý đầu tư ngắn hạn vẫn phổ biến, đặc biệt khi phần lớn nhà đầu tư bắt đáy đều có lãi tốt trong vài phiên vừa qua. Nhà đầu tư ngắn hạn xem xét chốt lời khi thị trường tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Giảm

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng 1.84 điểm (2.49%), lên 75.57 điểm, phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp.

- KLGD tăng 7% so với phiên trước, lên 79 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 46 điểm, tâm lý nhà đầu tư tích cực hơn. MACD 9 ngày đã cắt lên trên đường tín hiệu, cho chỉ báo về xu hướng tăng ngắn hạn.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp với thanh khoản duy trì ở mức khá. Diễn biến thị trường tương tự những phiên giao dịch trước đó, giảm cơ nửa đầu phiên và tăng điểm mạnh dần về cuối phiên. Chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên, độ rộng thị trường tích cực. Dòng tiền tiếp tục tập trung vào nhóm cổ phiếu BĐS, chứng khoán đã giảm điểm sâu trong giai đoạn điều chỉnh trước đó.

Chỉ số HNX-Index vẫn đang trong xu hướng phục hồi kỹ thuật, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ mạnh của đường MA200. Diễn biến phục hồi với thanh khoản tăng khá cho tín hiệu tích cực về dòng tiền tham gia thị trường. Xu hướng tăng điểm kỹ thuật dự kiến tiếp tục diễn ra với ngưỡng cản quan trọng khoảng +/-75 điểm, tương đương đường MA20 và trendline ngắn hạn.

Với thực tế vấn đề Biển Đông chưa được giải quyết, dự kiến tâm lý đầu tư ngắn hạn vẫn phổ biến, đặc biệt khi phần lớn nhà đầu tư bắt đáy đều có lãi tốt trong vài phiên vừa qua. Nhà đầu tư ngắn hạn xem xét chốt lời khi thị trường tăng đến ngưỡng cản kỹ thuật.

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q1.2014 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	VNM	HOSE	7,678.2	15.0%	1387.38	-9.4%	7,667	22,553	15.65	5.32	36.38	49.00
2	HPG	HOSE	6,515.5	65.6%	870.36	90.5%	4,913	21,393	9.53	2.19	24.96	44.81
3	PVD	HOSE	4,322.5	36.0%	596.96	41.8%	7,789	37,609	10.40	2.15	21.69	40.03
4	DPM	HOSE	2,502.4	-13.2%	381.31	-45.9%	4,984	22,998	6.68	1.45	20.05	24.03
5	FPT	HOSE	10,867.3	26.2%	361.52	0.9%	4,687	22,024	8.85	1.88	22.47	49.00
6	PVS	HNX	5,713.1	19.2%	266.33	1.5%	3,403	19,100	7.08	1.26	19.28	24.37
7	REE	HOSE	551.8	7.6%	231.73	110.5%	4,368	18,768	5.01	1.17	22.77	48.76
8	PPC	HOSE	2,165.8	21.8%	221.44	-76.5%	2,857	17,657	6.97	1.13	17.03	12.67
9	LAS	HNX	1,825.2	-2.5%	150.32	1.1%	5,767	18,602	6.73	2.09	33.45	12.73
10	HCM	HOSE	226.5	50.8%	120.32	91.4%	2,688	18,443	9.30	1.36	15.36	49.00

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	PPI	HOSE	20.5	-8.2%	4.98	6125.0%	238	19,312	34.38	0.42	1.26	0.53
2	FLC	HOSE	360.3	69.7%	34.95	2630.5%	1,503	11,847	5.26	0.67	9.39	1.69
3	LAF	HOSE	94.3	-3.0%	1.59	1490.0%	2,412	7,924	3.40	1.03	33.22	11.15
4	TDH	HOSE	78.7	-6.9%	9.32	1094.9%	980	36,000	14.69	0.40	2.79	41.53
5	POT	HNX	80.1	105.8%	0.83	937.5%	476	15,406	24.59	0.76	3.14	0.81
6	SCR	HNX	331.9	64.9%	13.97	905.0%	53	15,055	132.05	0.46	0.35	0.53
7	SHS	HNX	72.6	149.1%	72.4	732.2%	754	8,594	8.75	0.77	9.38	4.54
8	ITQ	HNX	119.8	79.5%	3.35	532.1%	547	10,919	17.90	0.90	5.15	0.01
9	DCS	HNX	21.9	19.8%	1.25	525.0%	128	10,271	32.89	0.41	1.19	0.15
10	VIG	HNX	6.1	93.3%	2.42	450.0%	248	6,630	14.89	0.56	3.83	12.89

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG DOANH THU Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	ICG	HNX	37.8	9122.0%	3.52	314.6%	376	12,542	17.83	0.53	3.07	16.36
2	PXL	HOSE	2.3	3766.7%	0.04	-33.3%	(105)	10,183	(29.52)	0.30	(1.04)	0.08
3	PFL	HNX	7.6	3695.0%	-1.83	-18.1%	(1,895)	8,019	(1.37)	0.32	(21.13)	0.13
4	BGM	HOSE	4.0	3554.5%	0.02	103.5%	34	10,193	108.06	0.36	0.33	0.22
5	KHL	HNX	4.5	3114.3%	0.56	251.4%	179	9,981	15.05	0.27	1.77	2.16
6	SHN	HNX	1.0	257.1%	-1.44	46.7%	91	3,008	31.97	0.96	4.74	0.15
7	KLS	HNX	113.2	228.4%	91.63	79.7%	948	14,075	9.49	0.64	7.13	6.07
8	PV2	HNX	0.3	222.2%	-1.38	27.7%	(3,596)	6,647	(0.70)	0.38	(45.13)	0.05
9	PXS	HOSE	357.2	188.6%	20.8	310.3%	2,090	12,854	7.65	1.24	16.06	11.30
10	SBA	HOSE	46.2	174.1%	8.43	286.7%	1,300	11,431	7.00	0.80	11.93	0.16

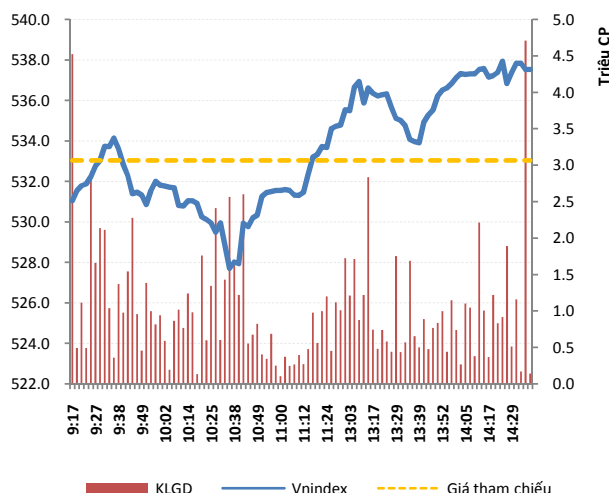
Ghi chú: Chỉ liệt kê các cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên gần nhất > 50.000 cổ phiếu.

Các chỉ số EPS, ROE tính theo 4 quý gần nhất. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 14/05/2014

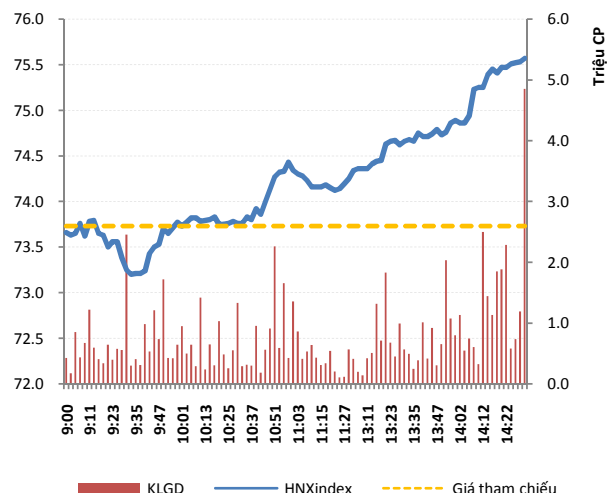


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

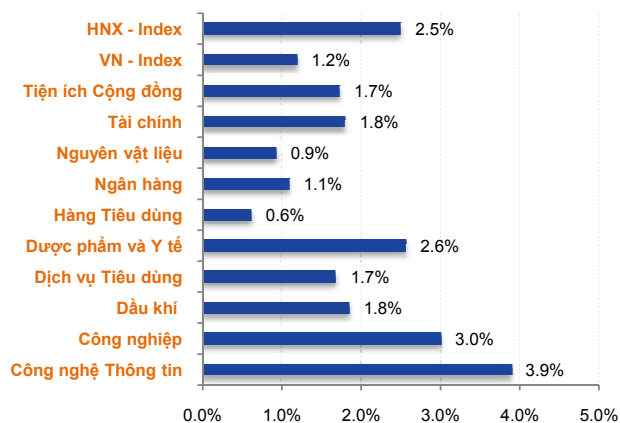
KLGD và VN-Index trong phiên



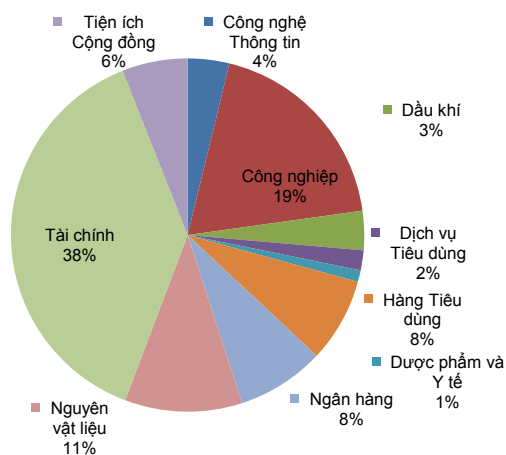
KLGD và HNX-Index trong phiên



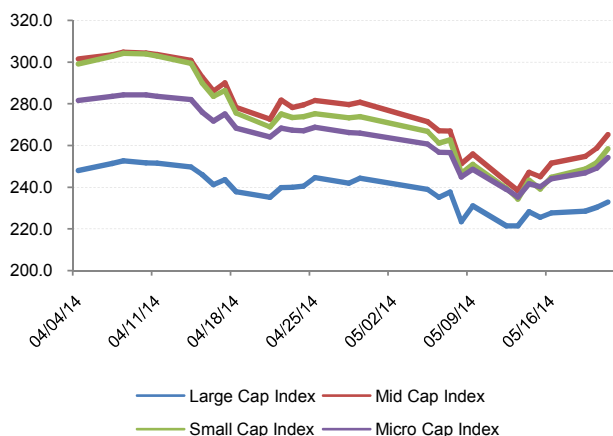
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



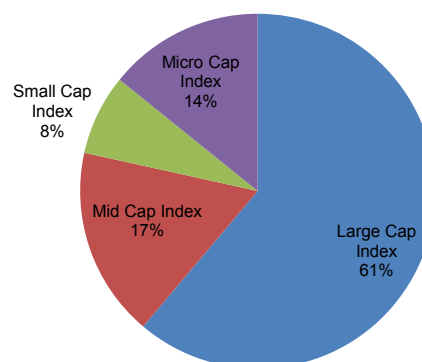
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IJC	505,210	CNG	1,099,400
2	BID	330,000	DPM	593,970
3	TRC	211,670	HAG	315,490
4	KSS	170,000	QCG	288,120
5	DXG	126,570	EIB	100,350

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	449,900	CTS	42,000
2	VND	361,900	EBS	35,500
3	SHB	152,800	KLS	33,000
4	VCG	103,000	PVG	28,500
5	VIG	100,000	PV2	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	9.5	10.1	↑ 6.32%	8,159,720
ITA	8.1	8.3	↑ 2.47%	6,026,780
HQC	6.7	7.1	↑ 5.97%	5,112,500
IJC	11.7	12.5	↑ 6.84%	3,816,780
SSI	22.7	23.4	↑ 3.08%	3,669,240

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	8.8	9.2	↑ 4.55%	12,005,800
PVX	4.6	5.0	↑ 8.70%	11,754,900
SCR	8.1	8.6	↑ 6.17%	10,322,600
KLS	10.2	10.7	↑ 4.90%	5,859,700
SHS	7.9	8.2	↑ 3.80%	3,297,700

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BGM	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
EMC	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
JVC	12.9	13.8	0.9	↑ 6.98%
CLG	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
CII	17.3	18.5	1.2	↑ 6.94%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	48.5	97.0	48.5	↑ 100.00%
NVC	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
GGG	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
MCC	11.0	12.1	1.1	↑ 10.00%
HST	9.0	9.9	0.9	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCI	10.4	9.7	-0.7	↓ -6.73%
VSI	6.2	5.8	-0.4	↓ -6.45%
SVI	36.3	34.0	-2.3	↓ -6.34%
LGC	16.1	15.1	-1.0	↓ -6.21%
ABT	49.5	47.0	-2.5	↓ -5.05%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DNM	36.0	32.4	-3.6	↓ -10.00%
NGC	17.0	15.3	-1.7	↓ -10.00%
TSM	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
VXB	12.0	10.8	-1.2	↓ -10.00%
SJC	12.0	10.8	-1.2	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	8,159,720	9.4%	1,503	6.7	0.9
ITA	6,026,780	0.7%	79	105.0	0.8
HQC	5,112,500	3.0%	320	22.2	0.7
IJC	3,816,780	5.6%	603	20.7	1.1
SSI	3,669,240	8.3%	1,235	18.9	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	12,005,800	7.9%	912	10.1	0.8
PVX	11,754,900	-188.8%	(5,604)	-	2.5
SCR	10,322,600	0.9%	137	62.9	0.6
KLS	5,859,700	7.1%	948	11.3	0.8
SHS	3,297,700	9.4%	754	10.9	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BGM	↑ 7.0%	0.3%	34	134.3	0.5
EMC	↑ 7.0%	0.5%	52	88.3	0.4
JVC	↑ 7.0%	4.8%	981	14.1	0.8
CLG	↑ 6.9%	14.6%	1,486	5.2	1.5
CII	↑ 6.9%	9.0%	1,270	14.6	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGH	↑ 100.0%	7.1%	916	10.1	7.6
NVC	↑ 14.3%	0.0%	(9,574)	(0.1)	-
GGG	↑ 12.5%	0.0%	(7,751)	(0.1)	-
MCC	↑ 10.0%	18.7%	2,214	5.5	1.0
HST	↑ 10.0%	4.8%	500	19.8	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IJC	505,210	5.6%	603	20.7	1.1
BID	330,000	14.2%	1,640	9.1	1.3
TRC	211,670	16.2%	7,684	4.9	0.8
KSS	170,000	3.0%	360	16.7	0.4
DXG	126,570	15.3%	1,708	8.9	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	449,900	19.3%	3,403	7.8	1.4
VND	361,900	11.8%	1,450	10.6	1.2
SHB	152,800	7.9%	912	10.1	0.8
VCG	103,000	8.3%	1,018	11.7	0.9
VIG	100,000	3.8%	248	19.7	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	173,393	33.4%	5,936	15.4	4.9
VNM	104,180	36.4%	7,667	16.3	5.5
MSN	66,509	2.2%	451	200.6	4.5
VCB	63,034	10.4%	1,901	14.3	1.4
VIC	59,914	47.0%	8,310	8.1	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,284	6.1%	839	18.7	1.1
PVS	11,882	19.3%	3,403	7.8	1.4
SQC	8,602	-2.4%	(295)	-	6.5
SHB	8,152	7.9%	912	10.1	0.8
VCG	5,256	8.3%	1,018	11.7	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HBC	2.59	4.1%	841	19.6	0.8
VHG	2.53	22.5%	2,595	2.9	0.6
DLG	2.50	2.2%	257	30.3	0.7
CII	2.36	9.0%	1,270	14.6	1.3
PPI	2.32	1.3%	238	39.0	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
S12	3.56	-5.6%	(720)	-	0.4
SVN	3.54	-4.3%	(438)	-	0.5
SHN	3.22	4.7%	91	44.1	1.3
VIG	3.11	3.8%	248	19.7	0.7
NVC	3.04	0.0%	(9,574)	-	-



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)